TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày 20/6/2023 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.

2. Ông Y Yâo BKrông

- *Thư ký phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Phạm Đình T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: chị Hồ Thị Thu H**,** sinh năm 1990.
Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 08/02/2023 và trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Phạm Đình T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* anh Phạm Đình T và chị Hồ Thị Thu H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2012 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống

chung hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài đến năm 2018 thì mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, nên thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn nên anh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Hồ Thị Thu H.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 người con chung là Phạm Đình T1, sinh ngày 19/01/2015. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ghi ngày 23/02/2023 bị đơn chị Hồ Thị Thu H trình bày:*

Giữa chị và anh Phạm Đình T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2012 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì anh T đã chuyển về xóm N xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An để sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau và không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 người con chung là Phạm Đình T1, sinh ngày 19/01/2015, hiện nay con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phạm Đình T1 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Phạm Đình T được ly hôn với chị Hồ Thị Thu H. Về con chung: giao con chung cháu Phạm Đình T1, sinh ngày 19/01/2015 cho chị Hồ

Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn anh Phạm Đình T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:***

Anh Phạm Đình T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Hồ Thị Thu H. Đây là quan hệ *"Ly hôn,tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Nguyên đơn anh Phạm Đình T và bị đơn chị Hồ Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Phạm Đình T và bị đơn chị Hồ Thị Thu H là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

[2] ***Về nội dung:***

Về quan hệ hôn nhân: Xét lời khai của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Anh Phạm Đình T và chị Hồ Thị Thu H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2012 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án xác định: anh T và chị H chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên anh T đã chuyển về sinh sống tại xóm N xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, hoàn toàn bỏ mặc nhau và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã quá trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn chị H chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Phạm Đình T đối với chị Hồ Thị Thu H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Anh T chị H sinh được 01 con chung là Phạm Đình T1, sinh ngày 19/01/2015. Hiện nay, cháu T1 đang ở cùng với chị H và cũng có nguyện vọng được ở với chị Hồ Thị Thu H, nên cần giao cho chị Hồ Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Đình T1, sinh ngày 19/01/2015 đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- *Về tài sản chung và canh nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn anh Phạm Đình T phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020532 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228;Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đình T.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Đình T được ly hôn với chị Hồ Thị Thu H.

2 Về con chung: Giao con chung là Phạm Đình T1, sinh ngày 19/01/2015 cho chị Hồ Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh Phạm Đình T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Phạm Đình T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung*:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Đình T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020532 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Long

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
-Chi cục THADS huyện Ea Kar;
-UBND xã Ea Đar, huyện Ea Kar;
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.